TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

Bà **Ngô Thị Thơm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Công C, sinh ngày 02/12/1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh ngày 04/6/1984.

ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3. Người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Bà Vũ Thị C1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh* Dương Công C *trình bày:* Anh và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 20/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại gia đình nhà chồng, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình hai bên khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 6/2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trước khi đi anh đưa vợ con về bên ngoại ở. Thời gian đầu vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc với nhau nhưng chị H thường chặn không cho anh liên lạc về để gặp các con. Anh gửi tiền về nuôi con nhưng chị luôn kêu ca phàn nàn gửi ít, gửi nhiều, chị H còn ngăn cản quyền chăm sóc và đón con của gia đình anh. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Quỳnh C2, sinh ngày 11/9/2015 và Dương Công P, sinh ngày 08/8/2018, hiện các con đang ở với chị H. Anh đề nghị mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Dương Quỳnh C2, chị H nuôi con Dương Công P cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Vũ Thị C1 chăm sóc con Dương Quỳnh C2 cho đến khi anh về nước, anh có trách nhiệm gửi tiền về cho bà Cao nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh C đang lao động tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho bà Vũ Thị Cao t anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai chị* Vũ Thị H *trình bày:* Chị và anh Dương Công C có quan hệ hôn nhân như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, anh C đạp vào bụng chị khi chị đang mang thai và một vài lần đánh chị. Năm 2018, khi chị đang mang thai cháu thứ 2 được khoảng 6 tháng thì anh C đi lao động tại Đài Loan, gia đình anh C khóa cửa, đuổi chị ra khỏi nhà, không quan tâm đến mẹ con chị, chị phải đưa các con về nhà bố, mẹ đẻ ở. Từ khi sang Đài Loan, anh C ít liên lạc và không quan tâm đến chị. Cuối năm 2023, đầu năm 2024 anh C về nghỉ phép ăn Tết và thăm gia đình nhưng vợ chồng không sống cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện tại anh C đã sang Đài Loan làm việc và có đơn

xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung như anh C trình bày là đúng, hiện các con đang ở với chị, chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng, cả hai con là 4.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị là giáo viên trường Mầm non T1, thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng, mẹ con chị đang ở nhờ trên đất của cậu ruột chị và chị đang làm thủ tục nhận chuyển nhượng lại mảnh đất đó. Chị đảm bảo đủ khả năng và điều kiện chăm sóc các con.

Ngoài ra, chị yêu cầu anh C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con trong thời gian chị phải nuôi con một mình, kể từ khi anh C đi lao động Đài Loan tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 và từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tháng 7/2023 đến nay (tháng 5/2024), anh C không gửi tiền về cho chị nuôi con, mức cấp dưỡng cụ thể là 2.000.000đ/tháng/con x 44 tháng x 02 con = 176.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được anh C *ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà* Vũ Thị Cao trình b*:* Bà nhất trí nhận ủy quyền của anh C, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh C biết. Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn chị H và đề nghị mỗi người nuôi một con cho đến khi các con tròn 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H đề nghị được nuôi cả hai con anh không nhất trí vì hiện tại chị H đang nuôi dưỡng ba con trong đó có 01 con riêng của chị H là cháu Vũ Kỳ D, khoảng 13 tuổi. Chị H yêu cầu anh C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con trong thời gian chị nuôi con một mình, kể từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 và từ tháng 7/2023 đến nay, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/con x 44 tháng x 02 con = 176.000.000đ, anh C không nhất trí vì hàng tháng anh C vẫn chuyển khoản tiền nuôi con cho chị H, tháng 6/2023 chị H cãi nhau với anh C sau đó anh không chuyển tiền nuôi con cho chị H mà gửi tiền về cho ông bà và bà đã rút tiền ra để chồng bà là ông T đưa cho chị H, nhưng là bố con nên khi đưa tiền không ký giấy tờ gì. Ngoài ra, anh C còn trình bày nếu chị H yêu cầu cấp dưỡng thì anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con.

Con chung của anh C, chị H là cháu Dương Quỳnh C2 có nguyện vọng được ở với chị H.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H và các con đang sinh sống thể hiện: Anh C và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng

không được hòa thuận, sau khi anh C đi lao động ở Đài Loan chị H và các con chuyển về T sinh sống. Chị H sống cùng 3 con trong đó có 01 con riêng của chồng trước và 2 con chung của vợ chồng. Cháu Dương Quỳnh C2 hiện đang theo học tại trường tiểu học T1, cháu Dương Công P đang học tại trường T1. Chi phí nuôi các cháu trong độ tuổi học tập tại địa phương, bình quân từ 2.500.000đ đến 3.000.000đ/tháng/1cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công C ly hôn chị Vũ Thị H. Về con chung: Giao hai con chung Dương Quỳnh C2 và Dương Công P cho chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 06/2018 đến tháng 4/2021 và từ tháng 7/2023 đến thời điểm xét xử tháng 5/2024 là: 3.000.000đ x 46 tháng = 138.000.000đ, anh C tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Công C có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn chị Vũ Thị H có địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh C không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Vũ Thị Cao t anh giao, nộp tài liệu tại Tòa án. Giấy ủy quyền của anh đã được UBND xã T, huyện B chứng nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Công C và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 20/10/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh C có những cử chỉ hành động không đúng mực với chị. Khi anh C đi lao động tại Đài Loan, gia đình anh khóa cửa đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Cuối năm 2023, anh C3 về nghỉ phép vợ chồng không về sống với nhau, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị H. Chị H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tháo gỡ, tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh C ly hôn chị H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh C và chị H có hai con chung là Dương Quỳnh C2, sinh ngày 11/9/2015 và Dương Công P, sinh ngày 08/8/2018, hiện các con đang ở với chị H. Chị H đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngoài ra, chị yêu cầu anh C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con trong thời gian chị phải nuôi con một mình, kể từ khi anh C đi lao động Đài Loan tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 và từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tháng 7/2023 đến khi xét xử, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/con, tương đương 176.000.000đ. Anh C có nguyện vọng mỗi người nuôi một con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, chị H yêu cầu anh cấp dưỡng như trên, anh không nhất trí và anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù nguyện vọng được nuôi con của anh C là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên anh C đang lao động tại Đài Loan không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Con chung Dương Quỳnh C2 có nguyện vọng được ở với chị H, hiện cả hai cháu cùng đang theo học tại trường tiểu học và trường mầm non T1, cuộc sống và môi trường học tập ổn định, các cháu phát triển tốt, chị H là giáo viên trường mầm non, có thu nhập và có chỗ ở ổn định, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù phải nuôi cả con riêng, nhưng chị H vẫn đảm bảo được cuộc sống của các con. Do vậy, cần giao các con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 69, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia

đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; cha mẹ, không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trên thực tế một mình chị H chăm sóc, nuôi dưỡng các con có khó khăn, nên chị yêu cầu cấp dưỡng cho con là hoàn toàn chính đáng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Anh C trình bày vẫn gửi tiền về cho chị H và nhờ bố mẹ anh đưa tiền cho chị H nuôi con nhưng không có căn cứ, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên theo biên bản xác minh tại địa phương chi phí bình quân để nuôi trẻ sinh sống và ăn học trên địa bàn xã khoảng 2.500.000đ đến 3.000.000đ/tháng/con. Do vậy cần buộc anh C phải trả chị H tiền cấp dưỡng cho con tính trung bình là 1.500.000đ/con/tháng, thời điểm từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 và từ tháng 7/2023 đến khi xét xử sơ thẩm tháng 05/2024, cụ thể 1.500.000đ x 02 con x 46 tháng = 138.000.000đ. Anh C tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng tiền mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị H cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Dương Công C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Công C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công C ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Dương Quỳnh C2, sinh ngày 11/9/2015 và Dương Công P, sinh ngày 08/8/2018 cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Dương Công C có nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi con Dương Quỳnh C2 và Dương Công P cho chị Vũ Thị H từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 và từ tháng 7/2023 đến tháng 5/2024 là: 1.500.000 đồng x 02 con x 46 tháng = 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Anh Dương Công C tiếp tục cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh* C *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Anh Dương Công C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000501 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Vũ Thị Cao n thay). Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Dương Công C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Dương Công C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30, chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường